

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THIÊN TÍN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**DANH SÁCH DỪNG CHI TRẢ PHỤ CẤP KHU VỰC ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG THƯƠNG BINH,
BỆNH BINH ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THIÊN TÍN**

(Kèm theo Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 14 /10/2026 của UBND xã Thiên Tín)

TT	Họ và tên đối tượng	Số hồ sơ	Tỷ lệ thương tật	Số tiền nhận hàng tháng theo NĐ 321/2026/NĐ-CP (đồng)			Ghi chú
				Tiền trợ cấp tháng 10/2026	Phụ cấp khu vực	Tổng cộng	
I	TB suy giảm KNLD từ 21-60%			65.070.000	9.828.000	74.898.000	
1	Nguyễn Thị Biên	127727	21	2.028.000	468.000	2.496.000	
2	Đào Thanh Công	124478	44	4.249.000	468.000	4.717.000	
3	Lê Tài Đoán	76277	41	3.960.000	468.000	4.428.000	
4	Nguyễn Tấn Lạc	115562	29	2.796.000	468.000	3.264.000	
5	Trương Thị Thanh Lài	142714	21	2.028.000	468.000	2.496.000	
6	Nguyễn Thị Liễu	92971	46	4.442.000	468.000	4.910.000	
7	Đào Thanh Minh	135570	31	2.992.000	468.000	3.460.000	
8	Phan Thị Kim Ngân	127916	25	2.415.000	468.000	2.883.000	
9	Trần Ngọc Phái	96545	41	3.960.000	468.000	4.428.000	
10	Mai Ngọc Phúc	25633	41	3.960.000	234.000	4.194.000	
11	Đoàn Thị Phụng	66878	42	4.053.000	468.000	4.521.000	
12	Trần Thị Mỹ Tân	128265	31	2.992.000	468.000	3.460.000	

TT	Họ và tên đối tượng	Số hồ sơ	Tỷ lệ thương tật	Số tiền nhận hàng tháng theo NĐ 321/2026/NĐ-CP (đồng)			Ghi chú
				Tiền trợ cấp tháng 10/2026	Phụ cấp khu vực	Tổng cộng	
13	Nguyễn Thành Tựu	10618	21	2.028.000	468.000	2.496.000	
14	Mai Văn Thao	118286	42	4.053.000	468.000	4.521.000	
15	Nguyễn Thị Thảo	131981	24	2.316.000	468.000	2.784.000	
16	Ngô Văn Thọ	14558	24	2.316.000	468.000	2.784.000	
17	Nguyễn Trịnh	120389	24	2.316.000	468.000	2.784.000	
18	Mai Thị Thanh Truyền	128042	32	3.091.000	234.000	3.325.000	
19	Phạm Thị Truyền (Thanh Truyền)	139336	21	2.028.000	468.000	2.496.000	
20	Đặng Thị Minh Út	114300	27	2.604.000	468.000	3.072.000	
21	Nguyễn Hồng Vinh	63465	25	2.415.000	468.000	2.883.000	
22	Huỳnh Y	22060	21	2.028.000	468.000	2.496.000	
II	TB suy giảm KNLD từ 21-60%			18.046.000	1.170.000	19.216.000	
1	Nguyễn Lợi	1972	61	5.886.000	468.000	6.354.000	
2	Đỗ Ngọc Nhung	68213	65	6.274.000	468.000	6.742.000	
3	Đàm Quang Trục	20418	61	5.886.000	234.000	6.120.000	
III	BB suy giảm KNLD từ 61-70%			9.984.000	936.000	10.920.000	
1	Lâm Văn Thi		61	4.992.000	468000	5.460.000	
2	Mai Thị Thanh Truyền		61	4.992.000	468000	5.460.000	
Tổng cộng				93.100.000	11.934.000	105.034.000	